

**CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN  
THỦY LỢI HÀ NỘI  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2023  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

# CÔNG TY TNHH MTV ĐTPPT THỦY LỢI HÀ NỘI

Địa chỉ: Đường 23B, thôn Cổ Dương, xã Tiên Dương,  
huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

---

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban điều hành</b>	2 - 3
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	4 - 5
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 26
<i>Phụ lục số 01: Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình</i>	24 - 25
<i>Phụ lục số 02: Tăng, giảm Vốn chủ sở hữu</i>	26

## **BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban điều hành quản lý Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Thủy lợi Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

### **Ban điều hành**

Chủ tịch Công ty, các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên và Kế toán trưởng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ông Trần Thanh Toàn	Chủ tịch Công ty
Bà Lê Thị Thanh Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Hậu	Phó Tổng giám đốc
Ông Lưu Thành Quang	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thành	Kiểm soát viên
Bà Kiều Thị Hồng Thắm	Kế toán trưởng

### **Trách nhiệm của Ban điều hành**

Ban điều hành Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG TY TNHH MTV ĐTPT THỦY LỢI HÀ NỘI**

Địa chỉ: Đường 23B, thôn Cổ Dương, xã Tiên Dương,  
Huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Ban điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2024

**Thay mặt Ban điều hành**

**Chủ tịch** 



**Trần Thanh Toàn**

Số: ~~08A~~/BCKT/VNAA

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Ban điều hành****Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Thủy lợi Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Thủy lợi Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 31/01/2024, từ trang 06 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Tel : 084 3736 7659  
: 084 3736 8309  
Fax : 084 3736 7622  
Email : vaa@vnn.vn  
Add : 16A Ngõ 181 Trường Chinh, Thanh Xuân, Hà Nội

### **Cơ sở của ý kiến Kiểm toán ngoại trừ**

Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty còn đang theo dõi trên chỉ tiêu “241 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” số dư công trình “Mốc Giới” và công trình “Nạo vét kênh tiêu Sóc Sơn” với giá trị lần lượt là 2.488.944.500 VND và 239.525.173 VND. Hiện nay hai công trình này đã dừng đầu tư từ lâu và chưa được quyết toán. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán nhưng các bằng chứng thu thập được không đủ cơ sở thuyết phục để có thể đánh giá giá trị hợp lý của hai công trình nêu trên tại thời điểm 31/12/2023. Do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về vấn đề này cũng như ảnh hưởng (nếu có) của chúng đến các khoản mục có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty.

### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Thủy lợi Hà Nội tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**PHẠM THỊ HOẠT**

**Giám đốc**

*Giấy CNĐKHNKT số 0503-2023-150-1*

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KẾ TOÁN,  
KIỂM TOÁN VIỆT NAM (VNAA)**

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2024

**NGUYỄN TUẤN LINH**

**Kiểm toán viên**

*Giấy CNĐKHNKT số 4021-2024-150-1*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2023	01/01/2023
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>175.520.927.327</b>	<b>122.451.271.005</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>101.320.799.672</b>	<b>59.100.613.924</b>
1. Tiền	111	V.01	101.320.799.672	59.100.613.924
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>73.274.426.601</b>	<b>61.594.725.498</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	73.037.449.555	59.921.734.497
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	27.291.217	50.345.550
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	209.685.829	1.622.645.451
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>925.701.054</b>	<b>1.755.931.583</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.05a	714.757.920	47.200.000
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11b	210.943.134	1.708.731.583
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>846.628.844.144</b>	<b>840.841.015.551</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>843.427.482.013</b>	<b>838.112.545.878</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	843.357.368.413	838.042.432.278
- Nguyên giá	222		919.257.370.802	913.869.310.939
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(75.900.002.389)	(75.826.878.661)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	70.113.600	70.113.600
- Nguyên giá	228		350.568.000	350.568.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(280.454.400)	(280.454.400)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.728.469.673</b>	<b>2.728.469.673</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.08	2.728.469.673	2.728.469.673
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>472.892.458</b>	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.05b	472.892.458	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.022.149.771.471</b>	<b>963.292.286.556</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2023	01/01/2023
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>107.881.073.557</b>	<b>64.090.411.021</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>99.081.671.477</b>	<b>56.516.520.812</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	40.290.365.208	24.118.219.722
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	2.906.940.330	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11a	20.550.105.118	2.154.013.132
4. Phải trả người lao động	314		16.589.603.932	13.100.991.526
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.12	20.454.546	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	1.494.332.189	1.265.612.892
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		17.229.870.154	15.877.683.540
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>8.799.402.080</b>	<b>7.573.890.209</b>
1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		8.799.402.080	7.573.890.209
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>914.268.697.914</b>	<b>899.201.875.535</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.14	<b>914.268.697.914</b>	<b>899.154.642.410</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		853.668.958.832	849.255.542.776
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		59.207.841.889	48.274.241.744
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	232.960.697
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	232.960.697
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
4. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		1.391.897.193	1.391.897.193
<b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>47.233.125</b>
1. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	47.233.125
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.022.149.771.471</b>	<b>963.292.286.556</b>

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ( )

Người lập biểu

Nguyễn Thu Hương

Kế toán trưởng

Kiều Thị Hồng Thắm

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2024



Chữ tịch

Trần Thanh Toàn



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	195.691.086.680	177.603.748.463
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		195.691.086.680	177.603.748.463
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	136.321.395.874	121.841.768.909
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		59.369.690.806	55.761.979.554
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	153.426.324	105.722.247
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	29.237.534	27.779.929
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	15.124.914.406	14.511.453.438
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		44.368.965.190	41.328.468.434
11. Thu nhập khác	31	VI.05	56.437.455	1.779.969.369
12. Chi phí khác	32	VI.06	55.092.063	-
13. Lợi nhuận khác	40		1.345.392	1.779.969.369
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		44.370.310.582	43.108.437.803
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	7.924.976.765	7.649.356.684
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		36.445.333.817	35.459.081.119

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Thu Hương

Kế toán trưởng

Kiều Thị Hồng Thắm

Chủ tịch



Trần Thanh Toàn

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Theo phương pháp trực tiếp  
Năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		188.946.231.531	178.742.595.529
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(66.220.902.189)	(71.298.209.959)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(40.298.498.663)	(40.085.611.844)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(2.000.000.000)	(5.500.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.107.187.052	1.750.424.584
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(34.509.434.127)	(33.255.376.110)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>47.024.583.604</b>	<b>30.353.822.200</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(4.959.582.400)	(5.325.757.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		528.420	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		154.656.124	105.722.247
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(4.804.397.856)</b>	<b>(5.220.034.753)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(10.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>(10.000.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>42.220.185.748</b>	<b>15.133.787.447</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		59.100.613.924	43.966.826.477
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.01</b>	<b>101.320.799.672</b>	<b>59.100.613.924</b>

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch

Nguyễn Thu Hương

Kiều Thị Hồng Thắm

Trần Thanh Toàn

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2023**

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Thủy lợi Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi từ Công ty khai thác công trình thủy lợi Đông Anh theo Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 30/08/2008 của UBND thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100764400 đăng ký lần đầu ngày 26/06/2008 và được thay đổi lần thứ 05 ngày 29/10/2021 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100764400 thay đổi lần thứ 05 ngày 29/10/2021 thì Vốn điều lệ của Công ty là 710.000.000.000 VND (Bảy trăm mười tỷ đồng chẵn).

Địa chỉ Công ty tại Đường 23B, thôn Cổ Dương, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2023 là: 564 nhân viên (tại thời điểm 31/12/2022 là: 565 nhân viên).

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích thủy lợi.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là :

- Hoạt động dịch vụ trồng trọt: tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh, kinh tế;
- Hoạt động cung cấp nước mặt sông Hồng.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Theo quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 29/01/2022 của UBND thành phố Hà Nội, về việc phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Thủy lợi Hà Nội. Công ty có 5 đơn vị hạch toán phụ thuộc, bao gồm:

- Xí nghiệp Thủy lợi Mê Linh;
- Xí nghiệp Thủy lợi Đông Anh;
- Xí nghiệp Thủy lợi Gia Lâm;
- Xí nghiệp Thủy lợi Sóc Sơn;
- Xí nghiệp cung cấp nước thô và tư vấn xây dựng.

**6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

## II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015.

### 2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

### **3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

### **4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

#### **4.1. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hữu hình hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Trong đó, theo khoản 4, và khoản 2 điều 1 của Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 thì một số tài sản của Công ty không phải trích khấu hao, chỉ mở sổ chi tiết theo dõi giá trị hao mòn hàng năm của từng tài sản và không được ghi giảm nguồn vốn hình thành tài sản, cụ thể là:

*“Loại 6: Các tài sản cố định là kết cấu hạ tầng, có giá trị lớn do Nhà nước đầu tư xây dựng từ nguồn vốn ngân sách nhà nước giao cho các tổ chức kinh tế quản lý, khai thác, sử dụng:*

*- Tài sản cố định là máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, tài sản được xây đúc bằng bê tông và bằng đất của các công trình trực tiếp phục vụ tưới nước, tiêu nước (như hồ, đập, kênh, mương); Máy bơm nước từ 8000 m<sup>3</sup>/giờ trở lên cùng với vật kiến trúc để sử dụng vận hành công trình giao cho các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi để tổ chức sản xuất kinh doanh cung ứng dịch vụ công ích”.*

Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

- |  |             |
|--|-------------|
| - Nhà cửa vật kiến trúc                    | 10 - 50 năm |
| - Máy móc, thiết bị                        | 06 - 15 năm |
| - Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn | 07 - 15 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý                | 05 - 10 năm |

Căn cứ theo hợp đồng đặt hàng của Ban Quản lý và Duy tu các công trình Nông nghiệp, Nông thôn Hà Nội, Công ty chưa thực hiện trích khấu hao tài sản cố định đối với các tài sản là nhà cửa, máy móc, thiết bị trực tiếp phục vụ cho hoạt động tưới, tiêu.

#### **4.2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định vô hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm quản lý công trình.

#### **5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

#### **6. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

#### **7. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về hoạt động cho thuê mặt nước hồ. Việc phân bổ để ghi nhận vào doanh thu được thực hiện theo số năm khách hàng trả tiền trước.

#### **8. Nguyên tắc ghi nhận Quỹ phát triển khoa học công nghệ**

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học công nghệ.

Mức trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ là 3% của thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện tại quỹ có thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau/ tính vào chi phí hoặc phân bổ cho các năm sau.

#### **9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ này và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các kỳ trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật.

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty được hình thành do Ngân sách cấp hoặc đơn vị cấp trên cấp. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản của đơn vị được dùng cho việc đầu tư xây dựng mới, cải tạo, mở rộng cơ sở sản

xuất, kinh doanh và mua sắm tài sản cố định để đổi mới công nghệ. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản ở Công ty phải chấp hành và tôn trọng các quy định về quản lý đầu tư và xây dựng cơ bản hiện hành.

#### **10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập**

##### ***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau :

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa ;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn ;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trong đó, đối với doanh thu cung cấp dịch vụ hoạt động công ích về thủy lợi được ghi nhận trên cơ sở đơn đặt hàng của UBND Thành phố Hà Nội, hồ sơ nghiệm thu được các cơ quan ban ngành có thẩm quyền phê duyệt.

##### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng phát sinh trong năm, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng.

#### **11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.



## 12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

### **Các nghĩa vụ về thuế**

#### ***Thuế giá trị gia tăng (GTGT)***

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 5% đối với hoạt động cung cấp nước thô và không chịu thuế GTGT đối với hoạt động dịch vụ thủy lợi.

#### ***Đối với các hàng hóa, dịch vụ khác***

Nghị định 44/2023/NĐ-CP ngày 30/06/2023 của chính phủ quy định chính sách giảm thuế theo nghị quyết số 101/2023/QH15 ngày 24/06/2023 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội thì các hàng hóa dịch vụ khác của Công ty sẽ được áp dụng mức thuế suất 8% áp dụng kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2023 đến hết ngày 31/12/2023.

Ngoài khoảng thời gian nêu trên, các hàng hóa dịch vụ khác của Công ty áp dụng mức thuế suất 10%.

#### ***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên thu nhập tính thuế đối với hoạt động cung cấp nước thô, dịch vụ cho thuê mặt nước, hoạt động khác và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động cung cấp dịch vụ thủy lợi.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

#### ***Thuế khác***

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**CÔNG TY TNHH MTV ĐTP T THỦY LỢI HÀ NỘI**Địa chỉ: Đường 23B, thôn Cổ Dương, xã Tiên Dương,  
huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

01. Tiền	31/12/2023		01/01/2023	
Tiền mặt		43.572.422		113.685.256
Tiền gửi ngân hàng		101.277.227.250		58.986.928.668
<b>Cộng</b>		<b>101.320.799.672</b>		<b>59.100.613.924</b>
<b>02. Phải thu của khách hàng</b>		<b>31/12/2023</b>		<b>01/01/2023</b>
<i>a) Ngắn hạn</i>		<i>73.037.449.555</i>		<i>59.921.734.497</i>
Ban Quản lý và Duy tu các công trình Nông nghiệp, Nông thôn Hà Nội		68.426.556.490		55.489.219.122
Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội		4.059.871.200		3.756.614.400
Các đối tượng khác		551.021.865		675.900.975
<b>Cộng</b>		<b>73.037.449.555</b>		<b>59.921.734.497</b>
<i>b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i>				
Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2				
<b>03. Trả trước cho người bán</b>		<b>31/12/2023</b>		<b>01/01/2023</b>
<i>Ngắn hạn</i>		<i>27.291.217</i>		<i>50.345.550</i>
Công ty Cổ phần xây dựng và sản xuất thương mại Hà Nội		-		8.779.000
Công ty Cổ phần tư vấn trắc địa bản đồ Đại Việt		20.856.000		-
Các đối tượng khác		6.435.217		41.566.550
<b>Cộng</b>		<b>27.291.217</b>		<b>50.345.550</b>
<b>04. Phải thu khác</b>		<b>31/12/2023</b>		<b>01/01/2023</b>
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Ngắn hạn</i>	<i>209.685.829</i>	<i>-</i>	<i>1.622.645.451</i>	<i>-</i>
Tạm ứng	180.779.648	-	173.819.788	-
Phải thu khác	28.906.181	-	1.448.825.663	-
<i>Ban Quản lý và Duy tu các công trình nông nghiệp, nông thôn Hà Nội</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>1.217.894.678</i>	<i>-</i>
<i>Đỗ Văn Tuyển</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>155.200.697</i>	<i>-</i>
<i>Văn phòng công ty</i>	<i>28.906.181</i>	<i>-</i>	<i>75.730.288</i>	<i>-</i>
Dư nợ 338	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>209.685.829</b>	<b>-</b>	<b>1.622.645.451</b>	<b>-</b>

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**CÔNG TY TNHH MTV ĐTPT THỦY LỢI HÀ NỘI**Địa chỉ: Đường 23B, thôn Cổ Dương, xã Tiên Dương,  
huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**05. Chi phí trả trước**

	31/12/2023	01/01/2023
<i>a) Ngắn hạn</i>	<b>714.757.920</b>	<b>47.200.000</b>
Chi phí phục vụ thanh lý tài sản	714.757.920	47.200.000
<i>b) Dài hạn</i>	<b>472.892.458</b>	-
Chi phí cấp phép sử dụng nước mặt	472.892.458	
<b>Cộng</b>	<b>1.187.650.378</b>	<b>47.200.000</b>

**06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Xem chi tiết tại phụ lục số 01 kèm theo Báo cáo này.

**07. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm</b>	
	<b>Quản lý công trình</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2023	350.568.000	350.568.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	350.568.000	350.568.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2023	280.454.400	280.454.400
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	280.454.400	280.454.400
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2023	70.113.600	70.113.600
Tại ngày 31/12/2023	70.113.600	70.113.600

**08. Tài sản dở dang dài hạn***Xây dựng cơ bản dở dang (\*)*

	31/12/2023	01/01/2023
Công trình Mốc Giới	2.488.944.500	2.488.944.500
Công trình nạo vét kênh tiêu Sóc Sơn	239.525.173	239.525.173
<b>Cộng</b>	<b>2.728.469.673</b>	<b>2.728.469.673</b>

(\*) Hai công trình nêu trên đã dừng đầu tư và chưa được quyết toán. Công ty chưa ghi nhận giá trị các công trình này là khoản tổn thất vào chi phí sản xuất kinh doanh.

**CÔNG TY TNHH MTV ĐTP T THỦY LỢI HÀ NỘI**Địa chỉ: Đường 23B, thôn Cổ Dương, xã Tiên Dương,  
huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**09. Phải trả người bán**

	Giá trị	31/12/2023		01/01/2023	
		Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị
<b>Ngắn hạn</b>	<b>40.290.365.208</b>	<b>40.290.365.208</b>	<b>24.118.219.722</b>	<b>24.118.219.722</b>	
Công ty TNHH Cơ điện An Cường	4.443.560.000	4.443.560.000	2.313.550.000	2.313.550.000	
Công ty CP Tư vấn trắc địa bản đồ Đại Việt	-	-	475.365.000	475.365.000	
Công ty TNHH Thương mại và đầu tư xây dựng Biển Xanh	2.326.202.000	2.326.202.000	1.160.641.000	1.160.641.000	
Công ty CP Đầu tư xây lắp & khai thác Cảng	3.719.627.000	3.719.627.000	2.429.791.000	2.429.791.000	
Công ty TNHH hệ thống điện và tự động hóa Việt Nam	3.100.840.600	3.100.840.600	1.422.873.600	1.422.873.600	
Công ty điện lực Đông Anh	3.125.798.391	3.125.798.391	4.002.218.755	4.002.218.755	
Công ty điện lực Gia Lâm	307.327.636	307.327.636	332.752.698	332.752.698	
Công ty điện lực Mê Linh	255.990.175	255.990.175	351.807.900	351.807.900	
Các hợp tác xã	15.790.178.098	15.790.178.098	6.526.525.456	6.526.525.456	
Công ty TNHH Thái Bình Dương	1.506.375.000	1.506.375.000	-	-	
Các đối tượng khác	5.714.466.308	5.714.466.308	5.102.694.313	5.102.694.313	
<b>Cộng</b>	<b>40.290.365.208</b>	<b>40.290.365.208</b>	<b>24.118.219.722</b>	<b>24.118.219.722</b>	

**10. Người mua trả tiền trước**

	31/12/2023	01/01/2023
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>2.906.940.330</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần vận tải và thương mại Văn Giang	2.906.940.330	-
<b>Cộng</b>	<b>2.906.940.330</b>	<b>-</b>

**11. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2023
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	438.018.729	3.390.881.748	3.350.338.012	478.562.465
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.430.669.594	7.924.976.765	2.000.000.000	7.355.646.359
Thuế tài nguyên	274.551.600	2.139.278.000	2.114.887.600	298.942.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	10.773.209	864.656.722	864.656.722	10.773.209
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	12.507.341.085	101.160.000	12.406.181.085
<b>Cộng</b>	<b>2.154.013.132</b>	<b>26.827.134.320</b>	<b>8.431.042.334</b>	<b>20.550.105.118</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	23.028.299	61.862.966	249.777.801	210.943.134
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.685.703.284	1.685.703.284	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.708.731.583</b>	<b>1.747.566.250</b>	<b>249.777.801</b>	<b>210.943.134</b>

**12. Doanh thu chưa thực hiện**

	31/12/2023	01/01/2023
<b>Ngắn hạn</b>	<b>20.454.546</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Đông Bắc	20.454.546	-
<b>Cộng</b>	<b>20.454.546</b>	<b>-</b>

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

13. Phải trả khác	31/12/2023	01/01/2023
<i>Ngắn hạn</i>	<b>1.494.332.189</b>	<b>1.265.612.892</b>
Kinh phí công đoàn và các khoản bảo hiểm	65.456.521	357.384
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.428.875.668	1.265.255.508
<b>Cộng</b>	<b>1.494.332.189</b>	<b>1.265.612.892</b>

14. **Vốn chủ sở hữu**  
a) *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*  
Xem chi tiết tại phụ lục số 02 kèm theo Báo cáo này.

b) *Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu*

	31/12/2023	01/01/2023
UBND Thành phố Hà Nội	853.668.958.832	849.255.542.776
<b>Cộng</b>	<b>853.668.958.832</b>	<b>849.255.542.776</b>

c) *Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu*

	Năm 2023	Năm 2022
Vốn góp của chủ sở hữu	849.255.542.776	852.003.428.684
Vốn góp đầu kỳ	4.500.561.351	-
Vốn góp tăng trong kỳ	(87.145.295)	(2.747.885.908)
Vốn góp giảm trong kỳ	853.668.958.832	849.255.542.776
Vốn góp cuối kỳ	14.091.884.369	14.070.798.183
+ Lợi nhuận sau thuế phải nộp về ngân sách nhà nước		

d) *Các quỹ của Công ty*

Khoản mục	01/01/2023	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2023
Quỹ đầu tư phát triển	48.274.241.744	10.933.600.145	-	59.207.841.889

(\* *Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ:*

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi trừ các khoản thuế TNDN năm hiện hành và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp, phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

01. **Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023	Năm 2022
Doanh thu cung cấp dịch vụ thủy lợi	128.241.407.675	116.656.927.403
Doanh thu cung cấp nước thô	67.234.451.429	60.721.680.801
Doanh thu hoạt động khác	215.227.576	225.140.259
<b>Cộng</b>	<b>195.691.086.680</b>	<b>177.603.748.463</b>

*Doanh thu đối với các bên liên quan*

Chi tiết tại trình bày tại thuyết minh số VII.2

02. **Giá vốn hàng bán**

	Năm 2023	Năm 2022
Giá vốn dịch vụ thủy lợi	112.459.263.971	100.973.808.648
Giá vốn hoạt động cung cấp nước thô	23.662.152.065	19.122.199.982
Giá vốn hoạt động khác	199.979.838	191.333.718
Giá vốn dịch vụ tư vấn tại xí nghiệp Dịch vụ tư vấn xây dựng	-	1.554.426.561
<b>Cộng</b>	<b>136.321.395.874</b>	<b>121.841.768.909</b>

**CÔNG TY TNHH MTV ĐTPT THỦY LỢI HÀ NỘI**Địa chỉ: Đường 23B, thôn Cổ Dương, xã Tiên Dương,  
huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	Năm 2023	Năm 2022
<b>03. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi	153.426.324	105.722.247
<b>Cộng</b>	<b>153.426.324</b>	<b>105.722.247</b>
<b>04. Chi phí tài chính</b>		
Phí chuyển tiền	29.237.534	27.779.929
<b>Cộng</b>	<b>29.237.534</b>	<b>27.779.929</b>
<b>05. Thu nhập khác</b>		
Thu nhập khác	56.437.455	1.779.969.369
<b>Cộng</b>	<b>56.437.455</b>	<b>1.779.969.369</b>
<b>06. Chi phí khác</b>		
Chi phí dịch vụ đấu giá	55.092.063	-
<b>Cộng</b>	<b>55.092.063</b>	<b>-</b>
<b>07. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
<i>Chi phí quản lý doanh nghiệp hoạt động tưới tiêu công ích</i>	<i>11.036.716.949</i>	<i>10.821.464.370</i>
Chi phí nhân viên	4.119.194.990	3.791.021.436
Chi phí vật liệu, đồ dùng quản lý	920.418.900	876.055.424
Chi phí đồ dùng văn phòng	234.431.100	434.258.600
Chi phí khấu hao TSCĐ	390.572.456	373.698.804
Thuế, phí, lệ phí	808.214.224	815.824.107
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.336.036.200	1.517.081.392
Chi phí bằng tiền khác	3.227.849.079	3.013.524.607
<i>Chi phí quản lý doanh nghiệp hoạt động cung cấp nước thô</i>	<i>2.862.685.586</i>	<i>2.247.784.117</i>
<i>Chi phí quản lý doanh nghiệp trích quỹ KHCN</i>	<i>1.225.511.871</i>	<i>1.182.890.209</i>
<i>Chi phí quản lý doanh nghiệp xí nghiệp Tư vấn xây dựng</i>	<i>-</i>	<i>259.314.742</i>
<b>Cộng</b>	<b>15.124.914.406</b>	<b>14.511.453.438</b>
<b>08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	44.370.310.582	43.108.437.803
Các khoản điều chỉnh:	(4.745.426.755)	(4.861.654.385)
- Lợi nhuận của hoạt động được miễn thuế	(4.745.426.755)	(4.861.654.385)
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>39.624.883.827</b>	<b>38.246.783.418</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN năm hiện hành</b>	<b>7.924.976.765</b>	<b>7.649.356.684</b>
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay</b>	<b>7.924.976.765</b>	<b>7.649.356.684</b>

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 01. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban điều hành Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban điều hành, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

### 02. Thông tin về các bên liên quan

#### Bên liên quan

Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội

Ông: Trần Thanh Toàn

Bà: Lê Thị Thanh Phương

Ông: Nguyễn Đức Hậu

Ông: Lưu Thành Quang

Ông: Nguyễn Văn Minh

Ông: Nguyễn Văn Thành

Bà: Kiều Thị Hồng Thắm

#### Mối quan hệ

Cùng chủ sở hữu

Chủ tịch

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm soát viên

Kế toán trưởng

*Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:*

	Đơn vị tính: VND	
	Năm 2023	Năm 2022
<i>Bán hàng, cung cấp dịch vụ</i> Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội	67.234.451.429	60.721.680.801
<i>Số dư với các bên có liên quan:</i>		
	31/12/2023	01/01/2023
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i> Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội	4.059.871.200	3.756.614.400

**CÔNG TY TNHH MTV ĐTPPT THỦY LỢI HÀ NỘI**Địa chỉ: Đường 23B, thôn Cổ Dương, xã Tiên Dương,  
huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**Thu nhập của các thành viên ban điều hành Công ty:**

	Năm 2023	Năm 2022
Thu nhập của các thành viên ban điều hành Công ty:		
Trần Thanh Toàn	428.536.876	333.536.967
Lê Thị Thanh Phương	369.531.083	439.340.355
Nguyễn Văn Minh	368.668.996	435.580.613
Lưu Thành Quang	368.668.996	438.368.990
Nguyễn Đức Hậu	365.092.260	436.223.973
Kiều Thị Hồng Thắm	340.886.469	401.598.267
Nguyễn Văn Thành	363.992.778	424.737.443
<b>Cộng</b>	<b>2.605.377.456</b>	<b>2.909.386.608</b>

**03. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kế toán, Kiểm toán Việt Nam, trong đó một số chỉ tiêu được điều chỉnh hồi tố do áp dụng Chuẩn mực kế toán số 29, cụ thể:

Mã số	Chỉ tiêu	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
<b>Ảnh hưởng trên Bảng cân đối kế toán:</b>				
136	Phải thu ngắn hạn khác	1.467.444.754	155.200.697	1.622.645.451
153	Thuế và các khoản phải thu nhà nước	1.725.526.332	(16.794.749)	1.708.731.583
314	Phải trả người lao động	13.197.351.262	(96.359.736)	13.100.991.526
322	Quỹ khen thưởng phúc lợi	15.881.458.474	(3.774.934)	15.877.683.540
418	Quỹ đầu tư phát triển	48.268.661.823	5.579.921	48.274.241.744
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	232.960.697	232.960.697

Mã số	Chỉ tiêu	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
<b>Ảnh hưởng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:</b>				
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.530.053.174	(18.599.736)	14.511.453.438
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	41.309.868.698	18.599.736	41.328.468.434
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	43.089.838.067	18.599.736	43.108.437.803
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	35.440.481.383	18.599.736	35.459.081.119

Người lập



Nguyễn Thu Hương

Kế toán trưởng



Kiều Thị Hồng Thắm

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2024

Chủ tịch



Trần Thanh Toàn



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**CÔNG TY TNHH MTV ĐĐTPT THỦY LỢI HÀ NỘI**  
Địa chỉ: Đường 23B, thôn Cổ Dương, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

Phụ lục số 01: Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, DCQL	Thiết bị, vật truyền dẫn	Kênh mương, cầu cống	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>							
<b>Số dư tại ngày 01/01/2023</b>	202.419.116.565	118.738.408.399	1.788.075.900	1.872.206.620	26.304.402.002	562.747.101.453	913.869.310.939
Tăng do mua sắm (*)		610.500.000	955.096.400	-	-	-	1.565.596.400
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành (*)	2.169.938.000	179.555.000	-	-	1.044.493.000	-	3.393.986.000
Tăng theo quyết định phê duyệt quyết toán hoàn thành	480.219.705	-	-	-	10.964.000	9.427.000	500.610.705
Nhận bàn giao công trình XD/CB được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách	-	3.895.614.758	-	-	-	-	3.895.614.758
Bàn giao công trình XD/CB được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách	-	(3.967.748.000)	-	-	-	-	(3.967.748.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2023</b>	205.069.274.270	119.456.330.157	2.743.172.300	1.872.206.620	27.359.859.002	562.756.528.453	919.257.370.802
<b>Số dư tại ngày 01/01/2023</b>	26.442.020.899	33.417.789.608	1.788.075.900	1.386.495.018	9.040.515.433	3.751.981.802	75.826.878.661
Khấu hao trong năm	787.447.385	1.988.796.256	5.495.075	115.937.350	1.003.243.428	196.506.827	4.097.426.321
Bàn giao công trình XD/CB được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách	-	(3.967.748.000)	-	-	-	-	(3.967.748.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(56.554.593)	-	(56.554.593)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2023</b>	27.229.468.284	31.438.837.864	1.793.570.975	1.502.432.368	9.987.204.268	3.948.488.629	75.900.002.389
<b>Giá trị còn lại</b>							
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>	175.977.095.666	85.320.618.791	-	485.711.602	17.263.886.569	558.995.119.651	838.042.432.278
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	177.839.805.986	88.017.492.293	949.601.325	369.774.252	17.372.654.734	558.808.039.824	843.357.368.413

*Trong đó:*

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31/12/2023 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 20.628.758.817 VND.

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**CÔNG TY TNHH MTV ĐĐTPT THỦY LỢI HÀ NỘI**

Địa chỉ: Đường 23B, thôn Cổ Dương, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**Phụ lục số 01: Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**

(\*) Chi tiết các công trình tăng trong năm như sau:

Tên công trình		Căn cứ ghi nhận	Giá trị
<b>Tăng do mua sắm</b>			<b>1.565.596.400</b>
Mua thuyền gắn máy phay bèo		Biên bản bàn giao công trình hoàn thành đưa vào sử dụng ngày 24/11/2023 và bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị quyết toán	610.500.000
Mua xe ô tô phục vụ công tác (30L-25.725)		Biên bản bàn giao công trình hoàn thành đưa vào sử dụng ngày 11/12/2023 và bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị quyết toán	955.096.400
<b>Tăng do XD/CB hoàn thành</b>			<b>3.393.986.000</b>
Cải tạo, nâng cấp phòng làm việc Ban lãnh đạo Công ty		Biên bản bàn giao công trình hoàn thành đưa vào sử dụng ngày 06/01/2023 và bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị quyết toán	1.078.343.000
Thay thế 2 máy bơm môi BCK 220-680 tại TBDC ÁP Bắc		Biên bản bàn giao công trình hoàn thành đưa vào sử dụng ngày 13/05/2023 và bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị quyết toán	179.555.000
Cải tạo, nâng cấp phòng số 5,6,8,9,10 tầng 1; phòng số 3 tầng 2 và phòng họp số 7 tầng 3 VPCT		Biên bản bàn giao công trình hoàn thành đưa vào sử dụng ngày 08/08/2023 và bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị quyết toán	1.091.595.000
Cải tạo, nâng cấp hệ thống điện trạm bơm Nam Hồng		Biên bản bàn giao công trình hoàn thành đưa vào sử dụng ngày 11/12/2023 và bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị quyết toán	1.044.493.000
<b>Cộng</b>			<b>4.959.582.400</b>

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**CÔNG TY TNHH MTV ĐĐTPT THỦY LỢI HÀ NỘI**  
Địa chỉ: Đường 23B, thôn Cổ Dương, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

**Phụ lục số 02: Tăng, giảm Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn Đầu tư xây dựng cơ bản	Tổng cộng
<b>Số dư tại ngày 01/01/2022</b>	852.003.428.684	37.636.517.408	(39.445.201)	1.391.897.193	890.992.398.084
Lãi trong năm	-	-	35.459.081.119	-	35.459.081.119
Bù trừ lỗ năm trước	-	-	39.445.201	-	39.445.201
Phân phối lợi nhuận (*)	-	10.637.724.336	(35.459.081.119)	-	(24.821.356.783)
Điều chỉnh giảm tiền lương phải trả đồng chí Tuyên	-	-	232.960.697	-	232.960.697
Giảm nguồn vốn chủ sở hữu do điều chỉnh giá trị tài sản thiếu chờ xử lý	(2.693.124.003)	-	-	-	(2.693.124.003)
Giảm khác	(54.761.905)	-	-	-	(54.761.905)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2022 (trình bày lại - Thuyết minh VII.3)</b>	849.255.542.776	48.274.241.744	232.960.697	1.391.897.193	899.154.642.410
<b>Số dư tại ngày 01/01/2023</b>	849.255.542.776	48.274.241.744	232.960.697	1.391.897.193	899.154.642.410
Tăng nguồn vốn do nhận bàn giao tài sản cố định từ nguồn vốn ngân sách	4.500.561.351	10.933.600.145	-	-	15.434.161.496
Lãi trong năm	-	-	36.445.333.817	-	36.445.333.817
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	(36.678.294.514)	-	(36.678.294.514)
Giảm nguồn vốn chủ sở hữu do điều chỉnh giảm giá trị tài sản theo quyết toán công trình	(87.145.295)	-	-	-	(87.145.295)
<b>Số dư tại 31/12/2023</b>	853.668.958.832	59.207.841.889	-	1.391.897.193	914.268.697.914

(\*) Trong đó: Phân phối lợi nhuận theo Điều 31, nghị định 91/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp ngày 13/10/2015.

Nội dung phân phối	Số tiền (VND)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	10.933.600.145
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	11.408.310.000
- Trích quỹ thưởng ban điều hành	244.500.000
- Lợi nhuận nộp về ngân sách nhà nước	14.091.884.369
<b>Cộng</b>	<b>36.678.294.514</b>

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)